

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2018
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Dương Triết Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Vũ Đình T, sinh năm 1972

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình hòa giải nguyên đơn anh Võ Vũ Đình T trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn đã thất lạc, anh cũng đã về địa phương xin xác nhận nhưng Ủy ban xã V không tìm thấy đăng ký kết hôn của anh với chị L trong sổ bộ nên anh không cung cấp được cho Tòa án. Trong quá trình sống chung vợ chồng rất hạnh phúc và có 02 con chung. Nhưng

đến năm 2014 do anh đi làm ăn xa thất bại nên kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, do không thể sống chung với nhau được nữa nên anh và chị L đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên anh T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Vũ Đình T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Tuyết S sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Võ Vũ Đình H sinh ngày 02/02/2011 hiện đang sống với chị L. Sau ly hôn anh T đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con, anh T không cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại tờ tự khai và lời khai trong quá trình hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Võ Vũ Đình T chung sống với nhau từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại xã V. Cuộc sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên khoảng 5 năm trước anh T có vợ nhỏ nên chị không chấp nhận được nên đã quyết định sống ly thân cho đến nay. Nay ý kiến của chị L như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L đồng ý ly hôn với anh Võ Vũ Đình T.

Về con chung: Thống nhất chị với anh T có 02 con chung tên Võ Thị Tuyết S sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Võ Vũ Đình H sinh ngày 02/02/2011 hiện đang sống với chị, sau ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại ấp Vĩnh TruVng, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Anh Võ Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại xã V. Anh T và chị L cho rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, tại “Phiếu trích lục hộ tịch” của Ủy ban nhân dân xã V đã xác nhận là không tìm thấy tên của anh Võ Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L trong sổ bộ hộ tịch lưu tại xã. Căn cứ vào phiếu trích lục hộ tịch nêu trên thì anh T và chị L đến thời điểm hiện nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Như vậy mặc dù anh T và chị L đã chung sống với nhau một thời gian dài và đã có con chung nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị L là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L.

[3] Về quan hệ con chung, thấy: Anh T và chị L thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Tuyết S sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Võ Vũ Đình H sinh ngày 02/02/2011. Từ khi anh T và chị L sống ly thân cho đến nay cháu Võ Vũ Đình H được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H cũng có nguyện vọng được sống với chị L sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Võ Vũ Đình H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ con chung: Giáo cháu Võ Vũ Đình H, sinh ngày 02/02/2011 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị L phải tạo điều kiện cho anh T được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con

2. Về án phí: Anh Võ Vũ Đình T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001139 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Anh Võ Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm